|  |  |
| --- | --- |
| **NGÀY SOẠN** | **NGÀY DẠY** |
| **25/11/2023** | **7C** | **TIẾT** |
| **29/11/2023** | **2** |

**TIẾT 51: BÀI 6: Dãy tỉ số bằng nhau (Tiếp)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong tiết này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

- Năng lực mô hình hóa toán học: chuyển đổi từ bài toán thực tế sang ngôn ngữ toán học, sau đó dùng toán học để giải quyết.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thông qua các thao tác kiểm tra, lập luận xem các tỉ số đã cho có lập thành dãy tỉ số bằng nhau hay không.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

- Năng lực giao tiếp toán học: các thao tác như lập luận, giải thích, chuyển đổi từ ngôn ngữ thực tế sang ngôn ngữ toán học.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

- Chăm chỉ: chăm chỉ làm bài, tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Nhân ái: giúp đỡ hỗ trợ nhau trong hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

**-** Sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy, kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập, máy tính két nối mạng, bảng nhóm, bút dạ, danh sách chia nhóm trước buổi học, bảng tổng hợp điểm cho các nhóm.

- Nghiên cứu kỹ bài học và phương pháp dạy học cho phù hợp.

**2 . Học sinh**:

- Đồ dùng học tập: bút, thước, vở, sách giáo khoa, bút màu,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1 phút)**

**2. Kiểm tra: (1 phút)** kiểm trasự chuẩn bị của học sinh

**3. Bài mới: (42 phút) Tổ chức Trò chơi “Đường lên đỉnh núi OLIMPIA”**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (PHẦN THI KHỞI ĐỘNG) (6 PHÚT)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh tổng hợp được các kiến thức qua sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà.

**b) Nội dung:** Hoạt động tại nhà (Làm việc theo nhóm)

**c) Sản phẩm:** Trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Giáo viên nhắc lại tên bài và yêu cầu học sinh khái quát lại nội dung kiến thức bằng “Sơ đồ tư duy”.

- Học sinh chủ động tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh xem lại sản phẩm của nhóm.

**Bước 3: Báo cáo:**

**-** Đại diện học sinh lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.

- Giáo viên theo dõi các hoạt động của học sinh.

**Bước 4: Thảo luận, kết luận:**

- Các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá.

**-** Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả chuẩn bị của học sinh.

**B.** **VẬN DỤNG, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (36 PHÚT)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng được các kiến thức đã học: khái niệm, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau vào việc giải quyết các bài tập.

**b) Nội dung:**

- Học sinh giải quyết các bài tập thông qua các phần thi “Vượt chướng ngại vật”, “ Tăng tốc”, “Về đích”.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm, phiếu bài tập và vận dụng giải quyết bài toán thực tế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**PHẦN THI: VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT (HĐ CÁ NHÂN – 7 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- Giáo viên: chia lớp thành 4 nhóm, giới thiệu và tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi - Giáo viên đưa ra luật chơi và cách tính điểm trên màn hình.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh chú ý lắng nghe và đọc luật chơi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Học sinh giơ đáp án mà mình lựa chọn**Bước 4: Kết luận, nhận định:** - Giáo viên tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các học sinh. Nhấn mạnh các kiến thức của bài. - Giáo viên tổng hợp điểm của các nhóm và đặt vấn đề vào hoạt động tiếp theo. | Tạo hứng thú cho học sinh, giúp học sinh tích cực tham gia phần thi tiếp theo. |

**PHẦN THI TĂNG TỐC (HĐ NHÓM BÀN 10 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- Giáo viên giới thiệu hình thức thi , nêu nhiệm vụ và hình thức đánh giá.- Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm bàn để hoàn thành **BT 1(Bài 2/b/SGK):**Cho dãy tỉ số bằng nhau $\frac{x}{3}=\frac{y}{4}=\frac{z}{5}$. Tìm 3 số x, y, z biết x + y – z = 8**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chú ý nghe, tiếp nhận yêu cầu, hoàn thành các yêu cầu GV đưa ra- GV: quan sát và trợ giúp học sinh. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Học sinh báo cáo kết quả theo nhóm.- Học sinh đổi bài chấm chéo theo biểu điểm, đáp án cô đưa ra.- Học sinh nhận xét giữa các nhóm**Bước 4: Kết luận, nhận định:** **-** Giáo viên nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành của học sinh.**-** Giáo viên tổng kết điểm và động viên học sinh. - Giáo viên kết luận, nhấn mạnh nội dung kiến thức. | **Bài tập 1 (Bài 2,b/SGK)**Cho dãy tỉ số bằng nhau $\frac{x}{3}=\frac{y}{4}=\frac{z}{5}$. Tìm 3 số x, y, z biết x + y – z = 8**Bài làm**Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, ta được :$\frac{x}{3}=\frac{y}{4}=\frac{z}{5}=\frac{x+y-z}{3+4-5}=\frac{8}{2}=4$ => $\left\{\begin{array}{c}\frac{x}{3}=4\\\frac{y}{4}=4\\\frac{z}{5}=4\end{array}\right.$ => $\left\{\begin{array}{c}x=4.3\\y=4.4\\z=4.5\end{array}\right.$ =>$\left\{\begin{array}{c}x=12\\y=16\\z=20\end{array}\right.$Vậy $x=12;y=16;z=20$ |

**PHẦN THI VỀ ĐÍCH (HĐ NHÓM LỚN 12 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- Giáo viên dẫn dắt và nêu nội dung của phần thi “Về đích”. Luật chơi và cách thức tiến hành được chiếu trên màn hình.- Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm bàn để hoàn thành **Bài tập:**Ngày nay, trước sự bùng nổ Internet, mạng xã hội đã khiến không gian và thời gian liên kết giữa người với người chỉ trong một vài thao tác trên công cụ số.Tiktok và Facebook là các mạng xã hội miễn phí và công khai. Và Việt Nam là một trong những nước có lượt tham gia nhiều nhất khu vực Đông Nam á.**“Vào chủ nhật được nghỉ học, Lan đã dành thời gian để lướt tiktok, lướt facebook và đọc sách. Biết tổng số lần Lan dành cho những việc này là 45 lần. Số lần lướt tiktok, lướt facebook và đọc sách tỉ lệ với ba số 7; 6; 2. Hỏi số lần Lan dành để lướt tiktok, lướt facebook và đọc sách là bao nhiêu lần?”**- Học sinh chủ động tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm thảo luận nội bộ và ghi kết quả ra giấy A1.- Giáo viên theo dõi ý thức học tập của các nhóm.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Học sinh báo cáo kết quả theo nhóm.(2 nhóm trình bày sản phẩm trên bảng), 2 nhóm còn lại đổi bài chấm chéo theo biểu điểm, đáp án cô đưa ra.- Học sinh nhận xét giữa các nhóm**Bước 4: Kết luận, nhận định:** **-** Giáo viên nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành của học sinh.**-** Giáo viên tổng kết điểm và động viên học sinh. - Giáo viên kết luận, nhấn mạnh nội dung kiến thức. | **Bài tập 2:**Bài làm Gọi số lần sử dụng điện thoại để lướt tiktok, facebook và đọc sách là x, y, z (lần) $(x,y,z\in N^{\*})$ Vì tổng số lần sử dụng là 45 lần nên $x+y+z=45$ Mà số lần lướt tiktok, facebook và đọc sách tỉ lệ với ba số 7; 6; 2 nên $\frac{x}{7}=\frac{y}{6}=\frac{z}{2}$ Áp dụng tính chất của dẫy tỉ số bằng nhau, ta có: $$\frac{x}{7}=\frac{y}{6}=\frac{z}{2}=\frac{x+y+z}{7+6+2}=\frac{45}{15}=3$$=>$\left\{\begin{array}{c}\frac{x}{7}=3\\\frac{y}{6}=3\\\frac{z}{2}=3\end{array}\right.$ =>$\left\{\begin{array}{c}x=3.7\\y=3.6\\z=3.2\end{array}\right.$ =>$\left\{\begin{array}{c}x=21\\y=18\\z=6\end{array}\right.$ (TM) Vậy số lần lướt tiktok, lướt facebook và đọc sách lần lượt là: 21 lần; 18 lần; 6 lần.  |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**1- Học:**

- Học thuộc khái niệm dãy tỉ bằng nhau.

- Học thuộc tính chất của dãy tỉ số bằng nhau và ứng dụng trong thực tế.

**2- Làm:**

- Hoàn thành các bài tập còn lại trong SGK.

*Hướng dẫn:*

Bài 3/ SGK

**3- Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị bài mới “ **Bài 7. Đại lượng tỉ lệ thuận**”.

**PHỤ LỤC**

* **PHẦN KHỞI ĐỘNG**

Học sinh báo cáo kết quả hoạt động theo nhóm ở nhà. Đánh giá chấm điểm theo tiêu chí đã đưa ra từ buổi trước.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **MỨC ĐỘ** |
| **MỨC 1****10 điểm** | **MỨC 2****9 điểm** | **MỨC 3****8 điểm** | **MỨC 4****6 điểm** |
| **Sơ đồ tư duy** | Đầy đủ, khoa học, thẩm mĩ, ứng dụng CNTT. | Đầy đủ, khoa học, thẩm mĩ. | Đầy đủ, thẩm mĩ chưa cao. | Còn thiếu xót |

* **PHẦN VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT**

**LUẬT CHƠI**

* Có 5 câu hỏi trắc nghiệm, các đội trả lời bằng hình thức giơ thẻ plicker để quét mã.
* Mỗi thành viên trả lời đúng 1 câu hỏi được 1 điểm.
* Điểm của cả nhóm là tổng điểm của tất cả các bạn trong nhóm

**Câu 1.** Cho các tỉ số sau: $\frac{2}{5};\frac{-4}{-10};\frac{1}{4};\frac{-2}{5} đâu là dãy tỉ số bằng nhau:$

A. $\frac{2}{5}= \frac{1}{4}$ B. $\frac{2}{5}= \frac{-2}{5}$ C. $\frac{1}{4}= \frac{-2}{5}$ D. $\frac{2}{5}=\frac{-4}{-10}$

**Câu 2:** Chọn câu **sai**. Với điều kiện phân thức có nghĩa thì:

A. $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{a+c}{b+d}$

B. $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{a-c}{b-d}$

C. $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{c-a}{b-d}$

D. $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{c-a}{d-b}$

 **Câu 3: Tìm x, y biết** $\frac{x}{7}=\frac{y}{2} và x+y=18$

A. x = 10, y = 8

B. x = 14, y = 4

C. x = 8, y = 10

D. x = 4, y = 14

**Câu 4: Tìm x, y biết** $\frac{x}{7}=\frac{y}{2} và x-y=20$

A. x = 42, y = 22

B. x = 35, y = 10

C. x = 28, y = 8

D. x = 30, y = 10

**Câu 5:** Chọn câu **đúng**. Với điều kiện phân thức

có nghĩa thì:

 A. $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{4}=\frac{x+y+z}{9}$

B. $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{4}=\frac{x-y+z}{9}$

C. $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{4}=\frac{x+y-z}{3}$

D. $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{4}=\frac{x-y+z}{1}$

* **PHẦN TĂNG TỐC**

**LUẬT CHƠI**

* Học sinh thảo luận nhóm bàn, suy nghĩ và trình bày vào phiếu bài tập trong vòng 3 phút. Hết thời gian 3 phút đổi chéo nhóm chấm điểm cho nhau theo biểu điểm cô đưa ra.
* Khuyến khích nhóm nào có bài hoàn thành đầu tiên được thưởng 10 điểm, hoàn thành thứ 2 được thưởng 5 điểm.
* Điểm của nhóm lớn là tổng điểm các nhóm nhỏ cộng lại.
* **PHẦN VỀ ĐÍCH**

**LUẬT CHƠI**

* Các thành viên trong nhóm thảo luận và trình bày bài toán trong 5 phút .
* Đội nào nhanh nhất sẽ lên báo cáo trước lớp, các đội còn lại đổi bài chấm chéo theo đáp án và biểu điểm của giáo viên.